

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18/7/2022

V/ v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Dung.
2. Ông Đinh Thanh Hải.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Hương Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị Phương T, sinh năm 1993 (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1995. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm N, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện đang lao động xuất khẩu tại Nhật Bản.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Dương Thị Phương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn N được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên,

Việt Nam vào tháng 9 năm 2017, do anh chị giấu gia đình đi đăng ký nên không tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi đăng ký kết hôn, chị và anh N không có thời gian chung sống cùng nhau, anh N sang Nhật Bản lao động xuất khẩu. Thời gian đầu vợ chồng vẫn giữ liên lạc, quan tâm đến nhau. Từ năm 2019 vợ chồng dần ít liên lạc và đến nay không còn liên lạc với nhau nữa. Chị xác định về địa chỉ hiện nay (ở nước ngoài) của anh N, anh N không cho anh biết và cả gia đình nhà anh N đều không biết. Hiện chị và anh N không còn liên lạc với nhau nên chị không có địa chỉ cụ thể của anh N ở nước ngoài để cung cấp cho Tòa án. Chị xác định tình cảm giữa vợ chồng đã không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng không có thời gian sống chung nên không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc giữa Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với ông Trần Văn T là bố đẻ của anh Trần Văn N, xác định được: Sau khi nhận các văn bản của Tòa án, gia đình có thông tin cho anh N được biết việc chị T đang yêu cầu xin ly hôn với anh thì anh N có gọi điện trực tiếp về cho biết: *“Anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị T xin ly hôn anh hoàn toàn đồng ý. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: anh xác định không có, không đề nghị giải quyết. Hiện anh đang ở nước ngoài không về nước để giải quyết vụ án được nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật”*.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại Công văn số 12561/QLXNC-P5 ngày 16/6/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an xác định anh Trần Văn N đã xuất cảnh ngày 11/02/2020 qua cửa khẩu nội bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án yêu cầu ly hôn có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Dương Thị Phương T chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng của anh N ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của anh N ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của anh N là ông Trần Văn T, có đủ căn cứ xác định anh N vẫn liên hệ với ông nhưng ông cũng

không cung cấp được địa chỉ của anh N và anh N cũng không có lời khai bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng ông T cũng vẫn không cung cấp địa chỉ của anh N ở nước ngoài. Do vậy, căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Việc kết hôn giữa chị Dương Thị Phương T và anh Trần Văn N trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo chị T khai: Sau khi kết hôn vợ chồng không có thời gian chung sống cùng nhau mà anh N phải sang Nhật Bản để lao động xuất khẩu. Thời gian đầu vợ chồng vẫn giữ liên lạc, quan tâm tới nhau. Từ năm 2019 vợ chồng dần ít liên lạc, đến nay thì không còn liên lạc gì nữa.

Phía bị đơn anh N, mặc dù không có lời khai bằng văn bản gửi về Tòa án nhưng thông qua đại diện thân nhân ở trong nước (bố đẻ anh N), anh cũng xác định vợ chồng hiện không còn liên lạc, yêu thương nhau, chị T xin ly hôn anh nhất trí. Như vậy, có căn cứ cho thấy giữa anh N và chị T đã không còn tình cảm vợ chồng, sự quan tâm và thương yêu nhau không còn, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, anh chị đều nhất trí xin ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh N là phù hợp với thực tế và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Về con chung: Anh N và chị T đều xác định vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có và không yêu cầu giải quyết. Phía anh N không có lời khai bằng văn bản, thể hiện ý kiến, quan điểm của mình nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

[3] Án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng

xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh N; Con chung: Không có. Tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Dương Thị Phương T. Chị Dương Thị Phương T được ly hôn với anh Trần Văn N.

2. Về con chung: Không có.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị Dương Thị Phương T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000103 ngày 26/4/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Anh N được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND PDP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thủy